

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/DS-ST

Ngày 07/9/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao

Bà Nguyễn Thị Bận

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Xuân Trang – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 07/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2022/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-DS ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Kim V, địa chỉ: Số nhà B, tổ C, khối D, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lương Thị Thu T, địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.2. Ông Cao Huy T, địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

3.3. Bà Quyền Thị L, địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị N trình bày:***

Ngày 15/8/2019 âm lịch (là ngày 13/9/2019 dương lịch), bà Đỗ Thị N có cho bà Võ Thị Kim V vay số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), việc vay tiền chỉ giữa bà N với bà V, ngoài ra không có ai khác, khi vay bà N nói tiền bà N mượn của của con gái là Lương Thị Thu T, vì vậy giấy vay tiền mới ghi là bảo lãnh vay dùm. Bên cạnh đó, bà Đỗ Thị N còn cho bà Võ Thị Kim V vay số tiền đợt 1 là 48.000.000 đồng (ngày 30-11-2019 âm lịch), đợt 2 là 15.000.000 đồng (ngày 27-2-2020 âm lịch), tổng cộng 2 đợt 63.000.000 đồng, việc vay tiền chỉ giữa bà N với bà V, ngoài ra không có ai khác, khi vay bà N nói tiền bà N mượn của em dâu họ là Quyền Thị L, vì vậy giấy vay tiền mới ghi là bảo lãnh vay dùm. Vào ngày 30/8/2020 âm lịch (là ngày 16/10/2020 dương lịch) do bà V không chịu trả nợ nên bà N yêu cầu bà Võ Thị Kim V viết giấy cam kết sẽ trả số tiền 80.000.000 đồng, việc bà V ghi tên Cao Huy T và Lương Thị Thu T – là con rể và con gái là do bà N nghĩ rằng nào cũng là tiền của con gái. Tuy nhiên, kể từ ngày viết giấy cho đến nay bà V vẫn không chịu trả nợ.

Nay bà Đỗ Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà Võ Thị Kim V trả tổng số tiền nợ gốc là 143.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

**** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà Võ Thị Kim V trình bày:***

Vào ngày 15/8/2019 âm lịch (là ngày 13/9/2019 dương lịch), bà Võ Thị Kim V có ký xác nhận vay của bà Đỗ Thị N số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), bà N nói tiền bà N vay của con gái là Lương Thị Thu T, các bên thỏa thuận tiền lãi 01 tháng là 1.600.000 đồng, giấy xác nhận vay không thể hiện ngày trả nợ, các bên thỏa thuận miệng khi nào có tiền thì trả nợ. Vào ngày 30/8/2020 âm lịch (là ngày 16/10/2020 dương lịch) do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà Võ Thị Kim V chưa thể trả số tiền 80.000.000 đồng cho bà Đỗ Thị N nên bà Võ Thị Kim V viết giấy cam kết sẽ trả số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) cho bà N với thời hạn trả cuối cùng là vào ngày 15/11/2020 âm lịch (là ngày 28/12/2020 dương lịch), nếu không trả đúng sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà Võ Thị Kim V xin được trả cho bà N là 03 đợt, cụ thể: Ngày 01/12/2022 trả số tiền 30 triệu đồng; ngày 01/12/2023 trả số tiền 30 triệu đồng; ngày 01/12/2024 trả số tiền 20 triệu đồng. Việc vay nợ chỉ giữa bà Võ Thị Kim V với bà Đỗ Thị N, ngoài ra không liên quan đến ai khác, bà Võ Thị Kim V sẽ chịu trách nhiệm trả nợ cho bà N.

Đối với nội dung vay số tiền 63.000.000đồng thì chữ ký và chữ viết Võ Thị Kim V không phải chữ ký và chữ viết của bà V, bà V chỉ thừa nhận vay của bà N số tiền nợ gốc là 80 triệu đồng, bà V cũng không biết cô L là ai.

*** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Thu T trình bày:** Bà T là con gái của bà Đỗ Thị N, vào ngày 15/8/2019 âm lịch (là ngày 13/9/2019 dương lịch), bà N có đứng ra vay dùm, bà N hỏi mượn bà T số tiền 80.000.000 đồng, bà N nói để cho người khác vay, sau đó bà T được biết bà N cho bà Võ Thị Kim V tại phường K vay. Đối với khoản tiền 80.000.000 đồng bà N vay bà T thì bà T và bà N đã giải quyết xong, còn đối với khoản vay giữa mẹ tôi và bà V thì bà T không liên quan, bà N và bà V tự thỏa thuận vay mượn thì bà V phải có trách nhiệm trả nợ cho bà N. Nay bà T xin đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

*** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Quyền Thị L trình bày:** Bà L là em dâu họ của bà Đỗ Thị N, vào ngày 30-11-2019 âm lịch (là ngày 25/12/2019 dương lịch) Bà L có cho bà N vay số tiền 48.000.000đồng, vào ngày 27-2-2020 âm lịch (là ngày 20/3/2020 dương lịch) Bà L có cho bà N vay số tiền 15.000.000đồng, tổng cộng 2 đợt 63.000.000 đồng. Sau này nghe bà N nói lại thì được biết bà N cho bà Võ Thị Kim V tại phường K vay. Việc vay giữa Bà L và bà N đã giải quyết xong, còn việc bà N cho bà V vay là thỏa thuận giữa bà V và bà N, không liên quan đến Bà L. Nay Bà L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

*** Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Huy T vắng mặt.**

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị Kim V, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Thu T, bà Quyền Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Cao Huy T vắng mặt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Võ Thị Kim V phải trả cho bà Đỗ Thị N tổng số tiền nợ gốc là 143.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về án phí và chi phí tố tụng*: Bị đơn bà Võ Thị Kim V phải chịu theo quy định của pháp luật, nguyên đơn bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí và chi phí tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Võ Thị Kim V vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị Thu T, bà Quyền Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Cao Huy T vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng: Quá trình tham gia tố tụng, bà Đỗ Thị N và bà Võ Thị Kim V đều thống nhất về việc vay nợ theo giấy vay tiền vào ngày 15/8/2019 âm lịch (là ngày 13/9/2019 dương lịch) với số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), thời hạn trả cuối cùng là vào ngày 15/11/2020 âm lịch (là ngày 28/12/2020 dương lịch), việc vay nợ chỉ giữa bà Võ Thị Kim V với bà Đỗ Thị N, ngoài ra không liên quan đến ai khác. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà Võ Thị Kim V xin được trả cho bà N là 03 đợt, cụ thể: Ngày 01/12/2022 trả số tiền 30 triệu đồng; ngày 01/12/2023 trả số tiền 30 triệu đồng; ngày 01/12/2024 trả số tiền 20 triệu đồng. Tuy nhiên, bà N không đồng ý với phương án trả nợ làm 03 đợt của bà V.

Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị Kim V phải trả cho bà N số tiền nợ gốc 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.2] Về tổng số tiền nợ gốc 63.000.000đồng: Đối với nội dung vay tổng số tiền 02 đợt là 63.000.000đồng thì bà Võ Thị Kim V cho rằng chữ ký và chữ viết không phải chữ ký và chữ viết của bà V, bà V cũng không biết cô L là ai.

Tại Kết luận giám định số 70/KL-KTHS ngày 07/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận như sau:

“... ”

2. Chữ ký dạng chữ viết “V...”, chữ viết “Võ Thị Kim V” dưới dòng chữ “Tổng cộng 2 đợt 63.000.000” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết mang tên Võ Thị Kim V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 do cùng một người viết ra.”

Ngày 22/6/2022, Tòa án đã tổng đạt thông báo Kết luận giám định số 70/KL-KTHS ngày 07/6/2022 và Quyết định đối chất số 571/2022/QĐ-ĐC ngày 21/6/2022 cho bà Võ Thị Kim V. Tuy nhiên kể từ khi nhận được văn bản đến tại phiên tòa hôm nay bà Võ Thị Kim V không có ý kiến gì; không tham gia phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, phiên tòa mà không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa, bà Đỗ Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị Kim V phải trả cho bà N tổng số tiền nợ gốc 63.000.000đồng, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.3] Về lãi suất: Nguyên đơn là bà Đỗ Thị N không yêu cầu về lãi suất nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Võ Thị Kim V phải chịu 5.670.000đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Đỗ Thị N được hoàn trả số tiền 5.670.000đồng sau khi thu được của bà V.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Võ Thị Kim V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 143.000.000đồng x 5% = 7.150.000đồng. Nguyên đơn bà Đỗ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đỗ Thị N. Buộc bà Võ Thị Kim V phải trả cho bà Đỗ Thị N tổng số tiền nợ gốc là 143.000.000đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Võ Thị Kim V phải chịu 5.670.000đồng tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết. Bà Đỗ Thị N được hoàn trả số tiền 5.670.000đồng sau khi thu được của bà V.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Võ Thị Kim V phải chịu số tiền 7.150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đỗ Thị N số tiền 3.575.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 60AA/2021/0009772 ngày 03/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh